

# *Tiếng Nói của Nước Tôi*

*Thân mến tặng A.H. Nam Cát  
Tùy bút của Đào Trọng Cương KTS*

Đề tạ lòng tri kỷ, và muốn các ai hữu có dịp thông cảm thêm nỗi u hoài của Nam Cát, đối với tiếng của ta trong giai đoạn khó khăn này, tôi xin một chút vấn đề ngôn ngữ thông thường và văn học của ta. Nhưng cũng sẽ chỉ giới hạn trong sự hiểu biết sơ đẳng về ngôn ngữ học của một chuyên gia trong những năm đã qua, quá bận tâm về nghề nghiệp mà đã ít để ý tới văn chương chữ nghĩa của mình.

Thật vậy, tiếng nói của ta rất phong phú nhờ ở lịch sử và vị trí địa dư của chúng ta. Nhưng tôi không dám nói là “hơn” các ngôn ngữ khác mà ta đã có cơ may học từ khi còn thiếu thời. Vì lẽ, theo tôi, tiếng nói của dân tộc nào, thì chỉ có dân tộc đó mới rung cảm được đúng mức trước một câu nói của họ. Tự điển đã dạy ta nghĩa của chữ, mà không truyền cho ta được, sự bén nhạy của tâm hồn trước một số chữ, một số câu. Xem như René Crayssac, một nhà văn thành thuộc tiếng Việt, vào bậc nhất của người PHÁP đã dịch chuyện Kiều ra thơ Pháp, ta cũng thấy trong lời dịch, ông đã không rung cảm được như

ta trước nhiều vần thơ mê ly của Nguyễn Du.

Văn của một quốc gia, của một dân tộc, đều được cấu tạo ngàn năm nọ qua ngàn năm kia, do những giai đoạn lịch sử sống chung và giao dịch với các dân tộc khác. Pháp thì liên hệ với chữ La tinh, ta thì với chữ Hán. Tâm hồn của những giống người khác nhau, không thể hoà hợp hoàn toàn được với nhau, cho nên sự rung cảm trong tâm linh đối với văn chương của nhau, cũng phần nào khác biệt.

Trong một câu nói thường ngày của ta có tới ba mươi phần trăm (30%) do chữ Hán mà ra. Nếu là một bài văn thì bách phân đó còn cao hơn nữa. Thí dụ trong 14 chữ của hai câu thơ mà A.H. Nam Cát đã ghi trong tùy bút “Tôi yêu tiếng nước tôi”, thì cũng có tới bảy chữ thuộc loại đó (gạch ở dưới) :

*“Ngày xưa có lão từ quan,  
Lên non tìm động hoa vàng ngủ say”*

Theo Ngô tất Tố, thì trong khoảng mười ngàn (10.000) chữ trong một bài văn, thì có tới sáu ngàn (6.000) chữ do chữ Hán, và do Huỳnh tịnh Của, thì trong mười ba ngàn (13.000) chữ cũng có tới tám ngàn (8.000) chữ do chữ Hán. Cho nên các học giả của ta, như Phạm Quỳnh, Trần trọng Kim, Dương quảng Hàm, v.v... cho tới một bạn công chánh đã sớm bỏ nghề để theo nghiệp văn chương là Nguyễn hiến Lê đều nhận rằng văn học Trung hoa đã tạo nền móng cho văn học nước ta. Dù linh mục Kim Định, với chủ thuyết “Phục Việt” cao tới đâu với ý phủ nhận sự thật này, tôi cũng khó mà đồng ý với ông được. (Xin đọc cuốn sử điệp Trống Đồng, v.v...).

Sự xâm nhập chữ Hán vào tiếng nói có thể cho là bắt đầu từ thời kỳ Triệu Đà (từ 207 trước công nguyên) nhưng với một tầm rất hạn chế. Suốt trong thời kỳ Bắc thuộc (từ 111 trước công nguyên tới 939 sau công nguyên) hơn một nghìn năm, ảnh hưởng đó trở nên sâu đậm dần dần, và sau khi đã dành được độc lập, dân tộc ta vẫn lấy chữ Hán, làm văn tự quốc gia, cho tới nhiều năm sau ngày quốc gia ta do người Pháp cai trị, chữ quốc ngữ được xuất hiện cho tới ngày nay. Và từ đó, văn Pháp mang thêm ảnh hưởng tới văn học của ta. Cách hành văn của ta, cũng bắt đầu theo luồng tư tưởng của người Pháp, cũng như thơ phú (loại thơ mới). Cho nên ngót hai ngàn năm biến cải, văn chương, lời nói của ta ngày nay, hẳn là không còn

giống được của các cụ tổ đã sống từ đời công nguyên. Nay các cụ Tổ có linh thiêng, hay khoa học có tân tiến đến mức nào, để ta có thể đàm thoại được với các Cụ thì hẳn là ai nói người này nghe mà thôi!

Văn thơ của ta có nhiều loại riêng của ta. Còn về văn thơ theo luật thơ Đường, các cụ và tới cả ngày nay chúng ta còn ưa dùng, nhất là đối với những ai hiểu biết về Cổ Thư Kinh sách Trung hoa. Vì có liên lạc mật thiết với chữ Nho là một thứ văn tự rất phong phú, nên ta có thể mượn được những chữ ấy nhiều danh từ để diễn đạt các ý tưởng và sự vật mới. Có những bài thơ, tác giả xen vào mấy vần chữ Hán với hậu ý muốn ta hiểu ý của tác giả muốn nói một cách khéo léo, nhẹ nhàng, kín đáo, không trơ trên nếu như phải dùng tiếng Việt. Mà ta đọc thấy du dương, ý bay bướm hơn. Thí dụ phần “khổ thi” của bài hát nói (hát ả đào) “Hồng hồng Tuyết tuyết” của Tam nguyên Yên Đỗ có hai câu :

*“Ngã lãng du thời quân thượng thiếu,  
Quân kim hựu giá ngã thành ông”*

thì thật là tuyệt cú. Bài hát đó muốn nói lên : vào tuổi già sao trở trẻ lại gặp được “cô bé” khi xưa cũng ở trong chốn cầm ca, nay đã trở thành cô gái kiêu diễm trong tuổi dậy thì , mà ta thì đã già mất rồi...

Thật là cách nói kín đáo, lịch sử, tiếc nuối, kiểu “kià bạch phát với hồng nhan chùng ả ngại”... mà không sao tả nổi bằng tiếng Việt được. Đến Tản Đà có lẽ cũng phải “chào thua”.

Viết tới đây, tôi liên tưởng tới hai câu thơ của một lão hữu tại Ottawa này cũng đã muốn tỏ sự tiếc nuối của mình, có lẽ trước một mỹ nhân tóc nâu mắt biếc nào đó, như sau :

*“Tâm dương trời khúc tỳ bà,  
Ngũ Hồ húng đội đã già mùa yêu...”*

Những ai đã rung cảm trước những éo le của Giang Châu Tư Mã tình cờ gặp được một nữ ca sĩ danh tiếng trở về già hết duyên trên bến Tâm Dương (bên Tàu) qua bài thơ Tỳ bà Hành bất hủ của Bạch cư Dị (bài do Phan huy Vịnh dịch), Và những ai đã say sưa trước cuộc đời của Phạm Lãi sống trong cảnh hưu trí bên Ngũ Hồ với nàng Tây Thi thì mới rung cảm được đúng mức ý nghĩa của hai câu thơ này. Hay thì thật hay, nhưng vì làm sao được với khổ thi nói trên, vì sự nuối tiếc đã không cần phải nói ra, nhưng tự nhiên là ta hiểu qua

hai vãn thơ tuyệt tác ! Câu thơ “*Quán kim húa giá ngã thành ông*”.thì chưa đạt đến mức nào !

Mượn những chữ ngoại quốc để diễn đạt ý tưởng của mình cũng thường thấy trong giới văn nhân Pháp (liên hệ với văn La tinh). Ta cũng thấy nhiều cuốn truyện đã dành trang đầu với vắn vện mấy câu La Tinh muốn nói lên được nhiều, nhất là với những ý nghĩ nói ra bằng tiếng mẹ đẻ thấy kém du dương mà không lột được hết ý mình.

Cũng như trong cuộc nói chuyện, ta đã có dịp dùng chữ La Tinh “*Errare humanum est*”, “*Vanitas vanitatum, omnia vanitas*”, hoặc chữ Anh “*Time is money*”, “*business is business*” v.v...

Với chữ trên với ta đã trở thành những thành ngữ, nghĩa là những lời nói “có sẵn” để tiện dụng mà diễn tả một ý gì, hoặc tả một trạng thái gì, một cách vắn tắt mà có màu mè. Cũng giống như một số câu của Trung hoa đã trở thành những thành ngữ thông dụng của ta như : “*Phú quý sinh lễ nghĩa*”, “*Sinh ký tử quy*”, “*Thiên cơ bất khả lậu*”, “*Kinh cung chi diệu*”, “*Nhân vô thập toàn*” v.v...

Cũng nên nói thêm về ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo (Lão tử) cũng rất lớn đối với ngôn ngữ, văn chương của ta. Những tư tưởng phóng khoáng, yếm thế là do đạo giáo, thí dụ những tập thơ của Nguyễn Bình Khiêm, và trong tập hát nói của Nguyễn công Trứ (những bài vịnh cảnh nhàn). Còn những tư tưởng về khổ ải, trầm luân, nhân quả nghiệp báo là do Phật giáo (Cung oán ngâm khúc, truyện Kiều). Những vãn thơ nói trên đều đã làm phong phú rất nhiều cho tiếng nói của ta.

Ảnh hưởng sâu đậm của văn học Trung hoa, lớn lao như vậy đối với những ai còn thấy thích thú trong việc viết vãn, trong lúc nói tiếng Việt một cách đúng với tâm hồn kín đáo của người Việt. Những người yêu văn học Trung Hoa thường thấy tâm hồn mình lâng lâng mỗi khi có dịp đọc những cổ thi từ nhiều trăm năm về trước. Đó là do sự cảm thông tự nhiên giữa những người đồng điệu, mà lạ thay, rất nhiều người xưa sống trước ta bảy tám trăm năm cũng có những trạng thái tâm hồn như chúng ta ngày nay. Và bây giờ, muốn đi sâu vào văn học Trung Hoa, tôi mới dần dần hiểu được cái thích thú của thân phụ tôi khi xưa trước ly rượu cúc, ấm trà thơm, ngâm say sưa nhiều vãn cổ thi, thơ phú mà tôi chẳng hiểu tí gì

và cái thích thú đó do đâu mà có nữa !

Và cũng từ bấy giờ, câu nói của Nguyễn hiến Lê đã làm tôi rất cảm động khi ông bắt đầu viết cuốn “Đại cương văn học sử Trung Hoa” trong phần tựa đề :

*“Đêm nay, tôi muốn thả hồn tìm thi nhân cùng danh sĩ Trung hoa thời trước. Hỡi hương hồn các chư vị ấy ! Tôi mang ơn chư vị rất nhiều, gần bằng văn nhân của nước tôi, và từ hồi mới sanh, tôi đã được nghe lời ngâm Chinh Phụ, Thúy Kiều, xen lẫn với lời trích bình văn thơ của chư vị, và ngay nay trong Văn Học nước tôi cũng thường thấy ẩn hiện nỗi lòng của chư vị.”*

Và để nhớ ơn một đồng nghiệp Công chánh đã trở thành người thiên cổ từ một hai năm nay tại Sài gòn, suốt đời phục vụ cho tiếng nói, cho văn chương của ta để trở nên một học giả danh tiếng, tôi xin khẩn :

*“Hỡi hương hồn bạn Nguyễn Hiến Lê, xin hiện về họp với các đàn em Công Chánh Kiến Trúc, phù hộ cho chúng tôi và các thế hệ nối tiếp sống tại những nơi tạm cư này giữ “tiếng nói nước tôi” được lành mạnh, không làm tui vong linh của những bậc tiền bối đã suốt đời bồi đắp cho tiếng nói và Văn Học của dân tộc chúng ta.”*

OTTAWA, 16 juillet 1986

**ĐÀO TRỌNG CUONG K.T.S.**